



HỆ THỐNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ

Nguồn: David N. Balaam & Michael Vaseth, "The International Monetary System," in D. N. Balaam & M. Vaseth, *Introduction to International Political Economy*, (New Jersey: Pearson Education, 2001), pp. 133-156.

Biên dịch: Khoa QHQT | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Tổng quát

Nền kinh tế chính trị quốc tế bao gồm các quốc gia và thị trường được liên kết bởi những mối quan hệ tương tác hoặc các cấu trúc vốn ảnh hưởng đến hoạt động và tác động của chúng. Cấu trúc tài chính miêu tả tập hợp những quan hệ tiền tệ hoặc tài chính mà trong khuôn khổ đó các quốc gia và thị trường tồn tại. Những mối quan hệ tài chính này ảnh hưởng ở một mức độ nào đó đến tất cả những thể loại tương tác giữa các quốc gia và các thị trường.

Cơ cấu tài chính này tồn tại bên trong cái gọi là hệ thống tiền tệ quốc tế, một trong những bộ phận trừu tượng và bí ẩn nhất của nền kinh tế chính trị quốc tế. Hệ thống tiền tệ quốc tế có thể được hiểu như một tập hợp các nguyên tắc và thông lệ quản lý việc chi trả nợ giữa các quốc gia như thế nào. Luôn luôn có một câu hỏi, đó là ai được lợi? – ai là người được lợi trong cơ cấu tổ chức tài chính thế giới hiện nay. Chương này tập trung vào hệ thống tiền tệ quốc tế, là một bộ phận quan trọng của khuôn khổ tài chính trong nền kinh tế chính trị quốc tế. (Chương 8, chương về nợ quốc tế, sẽ tiếp tục phân tích cơ cấu tài chính).

Những cơ cấu khác của Nền kinh tế chính trị quốc tế thường được đề cập đến là những mối quan hệ dựa trên an ninh, sản xuất (và thương mại), tiếp cận tri thức và công nghệ. Tập hợp những mối quan hệ này cũng sẽ được đề cập đến trong những chương tiếp theo. Bất kỳ lúc nào cũng luôn tồn tại một tập hợp những

mối quan hệ hoặc cơ cấu liên kết những quốc gia và thị trường trong lĩnh vực tài chính, sản xuất, an ninh và tri thức.

Chương này sẽ tập trung nghiên cứu khía cạnh kinh tế chính trị quốc tế của tỷ giá hối đoái và hệ thống tiền tệ quốc tế, tập trung vào lịch sử phát triển của nó sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, những vấn đề và khó khăn chủ yếu tồn tại trong thế giới tài chính quốc tế hiện nay. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ đề cập đến những cơ quan tài chính quốc tế quan trọng nhất (Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới) và nghiên cứu một trường hợp đặc biệt, đó là đồng frăng CFA (sử dụng tại các nước Trung Phi) là ví dụ cho những vấn đề của đồng tiền yếu tại các nước Châu Phi là thuộc địa cũ của Pháp.

... trong hệ thống này, song song với quyền lực là sự mỏng manh – và tôi cũng sẽ không quá lời nếu gọi đó là sự nguy hiểm. Chỉ vì chúng ta quá quen thuộc với hệ thống nên chúng ta bị mù quáng trước sự kỳ diệu của nó.¹

Tất nhiên tôi không phải là kẻ gieo hoang mang. Tôi tin tưởng vào hệ thống của chúng ta, mặc dù nó kỳ quặc và lạ thường nhưng có thể hoạt động một cách an toàn. Nhưng nếu chúng ta muốn nó hoạt động, chúng ta phải nghiên cứu nó. Chúng ta không được phép nghĩ chúng ta có một nhiệm vụ đơn giản khi đó là một nhiệm vụ khó khăn, hoặc nghĩ chúng ta đang sống trong một trạng thái tự nhiên trong khi thật sự chúng ta đang sống trong một trạng thái nhân tạo. Đồng tiền không thể tự quản lý được và phố Lombard phải quản lý một khối lượng tiền lớn.²

Walter Bagehot (1873)

Phố Lombard là một con phố ngắn ở London, nằm sát Cầu Tower. Dọc phố Lombard là các ngân hàng và công ty tài chính mà đến tận bây giờ vẫn còn trưng những biển hiệu màu sắc của những thương gia người Italia đã đi đầu trong ngành ngân hàng vào thời kỳ trung cổ và phục hưng tại Anh, khiến cho khu phố có dáng vẻ của một phố chợ nhỏ nhộn nhịp như xưa. Vào thế kỷ 19, Phố Lombard là trung tâm của thế giới tài chính. Những giao dịch tiền tệ quốc tế liên quan đến các quốc gia và thị trường khắp thế giới đều được gắn kết hoặc bị ảnh hưởng một phần bởi hoạt động của những con người và tổ chức trên phố Lombard.

¹ Walter Bagehot: "Lombard Street: A Description of the Money Market". Philadelphia: Orion Editions, 1991. tr.8

² Sđd tr.10

Khi mà Walter Bagehot³ viết về phố Lombard vào thế kỷ 19, ông ta thực sự đã viết về hệ thống tài chính thế giới và khuôn khổ, cơ cấu thiết lập nên nhiều quan hệ giữa các quốc gia và thị trường. Ở đoạn trên, ông ta nhấn mạnh quyền lực cũng như sự mỏng manh của cơ cấu tài chính và nhu cầu cần phải quản lý nó một cách có hiệu quả. Phố Lombard vẫn là một trung tâm quan trọng của thế giới tài chính, tuy nhiên nay không còn là trung tâm của thế giới tiền tệ nữa.

Điểm khác biệt lớn nhất giữa cơ cấu tài chính thời Bagehot hơn 100 năm trước và cơ cấu tài chính hiện nay đó là thời Bagehot, người ta có thể đến những nơi như phố Lombard và gặp những người tham gia vào cơ cấu hữu hình của nền tài chính thế giới. Chỉ cần có mặt 1 ngày ở văn phòng ngân hàng hoặc sàn giao dịch thị trường chứng khoán, ta có thể tìm hiểu được thế giới tài chính của nền kinh tế chính trị quốc tế. Ngày nay, thế giới đó phi tập trung hơn rất nhiều và ngày càng mang tính toàn cầu, với mạng máy tính và viễn thông thay thế những mối quan hệ trực tiếp như thời Bagehot. Vì vậy việc quan sát mạng tài chính và theo dõi cơ cấu hệ thống tiền tệ quốc tế trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên về cơ bản nó vẫn tồn tại một cách tương tự. Chương này sẽ giúp bạn nhận biết những nét chính và hiểu được quá trình phát triển của hệ thống tiền tệ thế giới. Ở chương 8, chúng ta sẽ nghiên cứu một khía cạnh khác của cơ cấu tài chính – đó là nợ quốc tế, được sinh ra trong môi trường tài chính do hệ thống tiền tệ quốc tế thiết lập.

Chương này bao gồm hai phần chính. Phần đầu nói về thế giới hối đoái, một thế giới đôi khi gây khó hiểu và khám phá những nguyên nhân và hậu quả của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Phần thứ hai của chương tập trung vào hệ thống tiền tệ quốc tế, hệ thống quản lý quan hệ tài chính giữa các quốc gia. Ở đây chúng ta sẽ tập trung vào vấn đề thiết lập một hệ thống tiền tệ quốc tế làm hài lòng nhu cầu của các quốc gia và thị trường trong một thế giới năng động và biến đổi. Mục đích của chương này là cho phép sinh viên hiểu được hệ thống tiền tệ quốc tế là gì và hoạt động hối đoái thực hiện như thế nào, qua đó, chúng ta có thể hiểu những vấn đề tiền tệ quan trọng nhất hiện nay và đánh giá được tác động của nó đối với chúng ta, với tư cách là những công dân, những quốc gia và những công ty kinh doanh.

³ Walter Bagehot (1826-1877) là chủ bút của tờ *the Economist* từ 1860 đến 1877 và là một trong những tác giả về kinh tế chính trị có tầm ảnh hưởng lớn trong thời của ông.

Chỉ dẫn cho sinh viên về hối đoái

Cũng giống như người dân ở mỗi quốc gia nói những ngôn ngữ khác nhau (đòi hỏi phải có phiên dịch để hiểu nhau), họ cũng có xu hướng giao dịch kinh doanh bằng những đồng tiền khác nhau, đòi hỏi phải đổi từ loại tiền này sang loại tiền khác. Để hiểu được hệ thống tiền tệ quốc tế và ảnh hưởng của nó đến các cơ cấu khác nhau của nền kinh tế chính trị quốc tế, đầu tiên chúng ta phải hiểu một ít về tỷ giá hối đoái và làm quen với một vài thuật ngữ chuyên môn của tài chính quốc tế.

Đa số chúng ta đều đã từng cảm nhận được sự lên xuống bất thường của tỷ giá hối đoái khi đi ra nước ngoài và phải đổi mặt với một vấn đề rất thực tiễn: chúng ta sẽ mất bao nhiêu đô-la để mua peso, bảng Anh, mác, yên ..mà chúng ta cần để đi lại. Con người đã nhanh chóng làm quen với những phép tính của hối đoái – sử dụng tỷ giá hối đoái để đổi từ ngoại tệ sang đô-la và ngược lại. Ví dụ như tỷ giá hối đoái là 1.5\$/1£, điều đó có nghĩa là 1 chiếc vé 10 bảng vào rạp hát tại London tính ra tiền Mỹ là 15 đô-la ($10 \text{ £} \times 1,5 \text{ \$/£} = 15\text{\$}$). Tương tự như vậy, một cốc cà phê latte tại sân bay Tokyo giá 1000 yên tương đương với 10 USD nếu tỷ giá yên-USD là 100 ¥ / 1 \$ ($1000 \text{ ¥} \div 100 \text{ ¥/\$} = 10\text{\$}$). Đã từ lâu, khách du lịch đã có thể rèn luyện trí não của mình bằng cách sử dụng tỷ giá hối đoái để đổi tiền từ đồng tiền này sang đồng tiền khác.

Bảng 7-1 giới thiệu tỷ giá hối đoái của một số đồng tiền so với đồng đô-la vào ngày 12 tháng 8 năm 1992. Tỷ giá hối đoái phần lớn bị chi phối bởi các nhân tố thị trường và biến đổi hàng ngày do xu hướng và những sự kiện trong nền kinh tế chính trị quốc tế vốn làm thay đổi cung cầu của một đồng tiền này so với đồng tiền khác.

Mỗi tỷ giá hối đoái đều có thể được trình bày bằng hai phép tính tương đương nhau. Ví dụ tỷ giá hối đoái giữa đồng Đô-la Mỹ và đồng Pê-sô Mê-hi-cô có thể được trình bày là 9 pê sô/USD hoặc 11 cent/pê sô.⁴ Đối với 1 số đồng tiền như bảng Anh, nhiều người cảm thấy dễ theo dõi tỷ giá bằng đồng USD hơn (khoảng 1,6 USD/bảng Anh) trong khi đó một số đồng tiền như yên Nhật, sẽ dễ hiểu hơn khi

⁴ Biểu tượng của đồng đô la Mỹ là \$. Biểu tượng của đồng peso là gì? \$ hay là N\$, bởi vì chính phủ Mê hi cô đã xác định lại đồng peso vài năm trước đây. Hầu hết các biểu tượng của đồng tiền có lịch sử lâu dài. Một số đồng tiền của các nước châu Âu có ký hiệu £. Ký hiệu này ít nhất xuất hiện từ hệ thống thống nhất của đồng bạc thời Charlemagne. Tại sao Mê hi cô lại sử dụng ký hiệu \$ cho đồng tiền của mình? Câu trả lời là không phải như vậy, họ dùng kí hiệu đó cho đồng đô la. Trước đồng đô la Mỹ hàng trăm năm, ký hiệu của đồng peso đã được sử dụng ở các thuộc địa miền nam như là biểu tượng chung của giá trị đồng tiền dưới thời thuộc địa và vẫn tiếp tục được dùng cho đến ngày nay.

sử dụng cách ngược lại – khoảng 116 yên/USD.⁵ Đối với một số đồng tiền như Dua-ti Ba lan hay Pê-sô Mê-hi-cô, cả hai cách đều dễ hiểu.⁶

Bảng 7-1 Tỷ giá hối đoái ngày 12 tháng 8 năm 1999 – Một số nước chọn lọc

Quốc gia	Đồng tiền	Tỷ giá hối đoái so với USD
Braxin	Real	1.86
Ca-na-đa	Đô-la Ca-na-đa	1.47
Bờ biển ngà	Franc CFA	620.70
Liên minh Châu Âu	Euro	1.05
Pháp	Phờ răng	6.20
Đức	Đê-mác	1.85
Hungari	Phô-ring	239.58
Italia	Lia	1832.00
Nhật Bản	Yên	115.90
Ma-lai-xia	Ring-gít	3.80
Mê-hi-cô	Pê-sô mới	9.39
Ba lan	Dua-ty	3.98
Hàn quốc	Uôn	1206.00
Tây Ban Nha	Pê-sê-ta	157.44
Thái Lan	Bạt	38.02
Thổ Nhĩ Kỳ	Lia-ra	437750.00
Vương quốc Anh	Bảng Anh	1.60

Nguồn: Financial Times, 16 tháng 8 năm 1999, trang 20

Tuy nhiên người cảm thấy thú vị vì một số đơn vị tiền tệ có vẻ có giá trị hơn nhiều so với đồng tiền khác (1 bảng Anh nhiều hơn 1 Đô-la, còn 1 yên chỉ bằng 1 xu), thật ra đây không phải là khía cạnh quan trọng của tỷ giá hối đoái. Tỷ giá hối đoái chỉ là một cách chuyển giá trị của đơn vị đo lường của nước này sang của nước khác. Đơn vị nào được sử dụng thật ra không quan trọng. Điều quan trọng nhất là phép đo này có giá trị hay không và thay đổi theo thời gian như thế nào.

⁵ Đối với đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ có tỷ giá 262.980 lira/USD năm 1998, khó tính được tỷ giá theo cách khác nếu không xem các ghi chú khoa học.

⁶ Theo truyền thống của thị trường hối đoái, tỷ giá hối đoái được xem như là đồng tiền “mềm hơn” theo thuật ngữ của đồng tiền “cứng hơn”. Vì vậy truyền thống cho rằng chúng ta luôn tạo ra một tỷ giá như là đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ (mềm) với đồng đô la Mỹ (cứng). Tuy nhiên, truyền thống này thường được phân ra thành những trường hợp cụ thể khi mỗi lo ngại về độ chính xác hoặc sự thuận tiện tăng lên.

Vé hồi đỏi – Giá trị của đồng tiền phụ thuộc vào cái nó có thể mua được

Chúng ta có thể nghĩ quốc tệ là một chiếc vé có thể đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tại nước phát hành ra nó. Có hai loại phiếu: Đồng tiền mạnh phát hành bởi các nước lớn có nền kinh tế vững chắc, có thể dự báo được và quan hệ chính trị đối nội đối ngoại ổn định. Đồng tiền này được giao dịch rộng rãi và có giá trị được nhiều người biết đến. Chúng ta có thể đổi đồng tiền mạnh sang tiền địa phương ở hầu hết các nước trên thế giới. Ngày nay, các quốc gia phát hành những đồng tiền mạnh nhất là Mỹ (đô-la), EU (euro), Nhật (yên), Vương quốc Anh (bảng) và Thụy sĩ (Franc Thụy sĩ).⁷

Đồng tiền yếu không được chấp nhận một cách rộng rãi, đồng tiền yếu thường được sử dụng trong nước chứ không phải ở nơi khác vì giá trị của nó không chắc chắn hoặc số lượng giao dịch không đủ để tham gia vào mạng lưới kinh doanh quốc tế. Những quốc gia kém phát triển và những nước thuộc hệ thống XHCN cũ thường có đồng tiền yếu vì quan hệ chính trị của họ thiếu ổn định hơn các nước khác, ngoài ra những nền kinh tế này nhỏ so với thị trường thế giới và đối mặt với một tương lai không chắc chắn. Nước có đồng tiền yếu phải thường xuyên tìm kiếm nguồn tiền mạnh (thông qua xuất khẩu hoặc vay mượn) để mua hàng hóa và dịch vụ từ những quốc gia khác. Ngược lại, nước có đồng tiền mạnh, có thể đổi tiền của mình trực tiếp sang đồng tiền mạnh khác cũng như mua hàng hóa và dịch vụ nước ngoài, đây là một lợi thế rõ ràng. Vì chỉ có những đồng tiền mạnh mới được thế giới sử dụng, chúng ta sẽ tập trung nghiên cứu những đồng tiền mạnh trong chương này.

Một đặc điểm quan trọng của “vé” hồi đỏi, khác với các loại vé khác, đó là nó có thể được đổi thành nhiều thứ khác nhau. Ví dụ, một chiếc vé xem vở kịch “Phantom of the Opera” chỉ có thể đổi để có cơ hội xem một buổi biểu diễn nhất định. Nhưng vé “đồng bảng Anh” có thể đổi thành nhiều loại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ở Vương quốc Anh. Thậm chí chúng ta có thể coi vé “đồng bảng Anh” nhưng một tờ vé số, để đầu cơ, với hy vọng giá trị của nó sẽ tăng và sẽ có lời.

Giá trị của tấm vé “đồng bảng Anh” hoặc “đồng đô-la Mỹ” đối với người nước ngoài tùy thuộc vào việc nó có thể đổi thành hàng hóa, dịch vụ, đầu tư hay khả năng trúng số như thế nào. Giá trị của đồng tiền thường lên hoặc xuống tùy thuộc vào giá trị của hàng hóa, dịch vụ và đầu tư đồng tiền đấy có thể mua trên thị

⁷ Xem chương 11 phần về Liên minh tiền tệ châu Âu và đồng Euro. Trong đó, Anh không phải là thành viên của Liên minh tiền tệ châu Âu.

trường nội địa. Những tác nhân mạnh mẽ của cung và cầu biến giá trị của tấm vé “đồng đô-la Mỹ” thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại hối quốc tế.

Trong số nhiều tác nhân kinh tế ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái, 2 tác nhân quan trọng nhất đó là lạm phát và thay đổi lãi suất. Nếu như mọi yếu tố khác đều giống nhau, quốc tệ thường mất giá nếu như lạm phát ở quốc gia này cao hơn. Lạm phát, sự tăng giá nói chung, có nghĩa là đồng tiền có sức mua thực tế thấp hơn trên thị trường nội địa. Điều này khiến cho đồng tiền trở nên kém hấp dẫn đối với những người mua nước ngoài. Như vậy đồng tiền sẽ bị mất giá trên các thị trường hối đoái quốc tế để thể hiện giá trị thực trong nước của nó bị giảm. Cũng như vậy, nếu quốc gia A có lạm phát thấp hơn quốc gia B, đồng tiền của quốc gia này sẽ tăng giá, thể hiện sức mua cao hơn của nó.

Lãi suất cũng thể hiện tỷ giá hối đoái vì nó ảnh hưởng đến giá trị và sự mong muốn đầu tư mà mỗi đồng tiền có thể có được. Ví dụ, nếu như lãi suất ở Mỹ tăng, lúc đó cầu của đồng đô-la sẽ tăng để mua trái phiếu chính phủ Mỹ và những đầu tư khác có lãi suất, đẩy tỷ giá hối đoái đồng đô la tăng. Tương tự như vậy, lãi suất thấp sẽ dẫn đến nhu cầu đồng đô-la giảm vì những đầu tư bằng đồng đô la sẽ ít hấp dẫn hơn đối với người nước ngoài.

Nhìn chung, mối quan hệ đơn giản giữa lãi suất và tỷ giá hối đoái này là đúng trong thực tế, tuy nhiên cần phải lưu ý đến những ngoại lệ quan trọng khi một vài tác nhân liên quan đến nhau cùng tác động lên thị trường ngoại hối. Ví dụ, đôi khi lạm phát trong nước gia tăng sẽ kéo theo việc tăng lãi suất, như vậy lực đẩy giá đồng đô-la xuống của lạm phát sẽ vượt qua khả năng đẩy giá đô-la lên của lãi suất. Các nhà kinh tế học cho rằng lãi suất thực (sau khi đã loại bỏ lạm phát) mới thật sự ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái, chứ không phải lãi suất danh nghĩa (chưa loại bỏ lạm phát).

Các quốc gia có thể ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái thông qua những chính sách tác động đến giá trị đồng tiền của mình so với đồng tiền khác. Thay đổi lãi suất, luật thuế, lạm phát trong nước và hàng loạt những quy định có thể tác động đến tỷ giá hối đoái. Vì đô-la thực sự là một tấm vé có thể đổi lấy hàng hóa, dịch vụ và đầu tư tại Mỹ, giá của đồng đô-la phụ thuộc vào những gì đô-la có thể mua. Nói một cách khác, tỷ giá đồng đô-la phụ thuộc vào khả năng mua hàng hóa, dịch vụ và đầu tư tại Mỹ của đô-la và giá trị của những tài nguyên đó đối với người nước ngoài.

Trong thế giới ngày nay, với một thị trường tài chính toàn cầu, những quốc gia có đồng tiền mạnh có thể thay đổi một cách có hiệu quả tỷ giá hối đoái đồng tiền của mình thông qua việc thao túng lãi suất. Nếu như lãi suất tăng (hay giảm)

tại Mỹ, những đầu tư vào lãi suất sẽ có giá trị nhiều (hoặc ít) hơn đối với người nước ngoài. Khi mọi điều kiện khác không đổi, giá trị tăng (hoặc giảm) này sẽ được thể hiện qua tỷ giá hối đoái. Ví dụ năm 1993, lãi suất dài hạn của Mỹ giảm, điều đó khiến cho việc đầu tư vào đồng đô-la kém hấp dẫn hơn đối với người nước ngoài vì những tài sản mang lại lãi suất tại Mỹ trở nên kém sinh lời hơn. Điều tiếp theo xảy ra là đồng đô la năm 1993 đã bị mất giá so với nhiều đồng tiền khác.⁸

Có những thuật ngữ riêng được sử dụng khi chúng ta bàn về tỷ giá hối đoái. Nếu như một đồng tiền trở nên có giá trị hơn so với những đồng tiền khác, chúng ta gọi là lên giá (appreciate). Khi nó trở nên ít giá trị hơn so với những đồng tiền khác, chúng ta gọi là mất giá (depreciate). Ví dụ, giả thiết đồng bảng Anh hiện nay được giao dịch ở mức 1,5\$/1£. Nếu như đồng bảng Anh lên giá (có giá trị hơn), nghĩa là cần phải có nhiều đô-la hơn để mua 1 bảng, vì vậy tỷ giá có thể thay đổi là 1,6\$/1£. Đồng bảng đã lên giá, còn đồng đô-la mất giá (mất giá trị so với đồng bảng).⁹ Sự thay đổi tỷ giá hối đoái có vẻ hơi phức tạp cho đến khi bạn quen với nó. Bạn sẽ nói gì về đồng yên và đồng đô-la nếu như tỷ giá hối đoái đổi từ 120¥/1\$ thành 130¥/1\$¹⁰ hay đồng pê-sô Mê-hi-cô và đồng đô la nếu như tỷ giá đổi từ 11 xu/1 pê-sô thành 15 xu/1 pê-sô.¹¹

Tỷ giá hối đoái thường thay đổi theo thời gian rất phức tạp và hay bất ngờ. Bảng 7-2 cho thấy đồng tiền của một số quốc gia đã thay đổi giá trị như thế nào trong những năm 1995-1999. Nếu như bạn nghiên cứu một cách kỹ lưỡng bảng này, chúng ta sẽ thấy một số đồng tiền lên giá so với đồng đô-la, một số mất giá, một số khác lúc lên lúc xuống ở mỗi thời điểm khác nhau. Chúng ta sẽ giải thích qua một vài xu hướng trong đó.

So sánh Thổ Nhĩ Kỳ và Ác-hen-ti-na. Tỷ giá hối đoái của Ác-hen-ti-na đối với đồng đô-la Mỹ rất ổn định, trong vòng 4 năm chỉ thay đổi không đến 1 xu. Ngược lại, Thổ Nhĩ Kỳ đã trải qua sự mất giá nặng nề. Cả hai đều có đồng tiền yếu. Tại sao lại có sự khác biệt to lớn như vậy? Câu trả lời là cả 2 đều gặp vấn đề với lạm phát. Thổ Nhĩ Kỳ đã không tìm được giải pháp cho những khó khăn của nước mình. Giá cả trong nước tăng ồ ạt và đồng Lia-ra có thể mua ngày càng ít đồ hơn tại Thổ Nhĩ Kỳ. Theo lý thuyết về sức mua tương đương, nếu giá trị của nó tại Thổ Nhĩ Kỳ

⁸ Vấn đề chính là lãi suất được điều chỉnh theo lạm phát ở một nước được so với ở nước khác. Nếu lãi suất ở Mỹ giảm thì ở Anh cũng giảm theo. Khi đó, rõ ràng tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền cũng sẽ thay đổi.

⁹ Tỷ giá luôn thay đổi ngược khi so sánh một đồng tiền này với một đồng tiền khác. Nếu tỷ giá giảm \$1.3/£ thì có nghĩa là đồng bảng bị mất giá, đồng đô tăng giá.

¹⁰ Khi đồng Yên mất giá, người ta sẽ dùng đồng yên để mua đô la. Đồng đô la sẽ tăng.

¹¹ Đồng peso tăng và đồng đô la giảm.

ngày càng giảm thì giá trị hối đoái cũng sẽ giảm và trên thực tế là như vậy, từ 41 nghìn lira/ 1 USD năm 1995 lên 400 nghìn lira/1 USD năm 1999.

Bảng 7-2 – Tỷ giá hối đoái theo thời gian.

Đơn vị ngoại tệ tính bằng đô-la Mỹ					
Đồng tiền	17/8/99	25/6/98	30/3/98	15/3/96	24/2/95
		8			
Ác-hen-ti-na	0.99	0.99	0.99	1.00	1.00
Ca-na-đa	1.47	1.46	1.42	1.36	1.39
Pháp	6.24	6.02	6.18	5.04	5.15
Đức	1.85	1.79	1.84	1.47	1.46
Italia	1842.49	1772	1820	1562	1626
Nhật Bản	114.05	142.3	132	105.93	97
Ma-lai-xia	3.8	3.99	3.62	2.54	2.55
Mê-hi-cô	9.31	8.95	8.51	7.52	5.68
Thái Lan	37.98	41.16	37.75	27.45	24.93
Thổ Nhĩ Kỳ	438700	263765	239695	67942	41353
Vương quốc Anh	0.62	0.59	0.59	0.65	0.62

Đối với Thổ Nhĩ Kỳ, tỷ giá hối đoái giống như chiếc nhiệt kế cho thấy giá cả ở Thổ Nhĩ Kỳ tăng vùn vụt đốt cháy giá trị của đồng tiền. Ngược lại, Ác-hen-ti-na đã giảm lạm phát một cách hiệu quả thông qua việc sử dụng hệ thống “ban kiểm soát tiền tệ”. Hệ thống này kiểm soát lạm phát nội địa bằng cách liên kết đồng tiền yếu một cách trực tiếp nhất có thể với một đồng tiền mạnh – đồng đô-la. Vì những lý do thiết yếu nhất, Ác-hen-ti-na dựa vào tiêu chuẩn đồng đô-la và đã thành công cả trong việc giảm lạm phát lẫn ổn định tỷ giá đồng tiền.

Ma-lai-xia, Mê-hi-cô và Thái Lan đều phải trải qua sự mất giá nhanh chóng và mạnh mẽ của đồng quốc tệ trong thời gian trên, tuy không nhiều như Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng đều ở mức 50%. Tuy nhiên lạm phát không phải là vấn đề tại các nước này. Ma-lai-xia, Mê-hi-cô và Thái Lan là ví dụ của những nước gặp phải khủng hoảng tiền tệ. Về cơ bản, khủng hoảng tiền tệ là một thay đổi mạnh đột ngột trong hoạt động của thị trường. Nguồn cầu của đồng tiền biến mất và cung tăng mạnh, kéo giá xuống thấp. Khủng hoảng tiền tệ là vấn đề sẽ được đề cập đến chi tiết hơn trong chương này.

Cuối cùng, Nhật Bản cho thấy giá trị của ngoại hối có thể lên xuống theo thời gian như thế nào. Đồng Yên mất giá liên tục từ 1995 đến 1998 nhưng sau đó lên giá (từ 142 yên lên 114 yên / 1 đô-la) giữa những năm 1998-1999. Thời gian dài

mất giá thể hiện một phần suy thoái kinh tế Nhật Bản diễn ra vào những năm 1990. Vào cuối những năm 1990, có rất ít nhu cầu mua quỹ đầu tư vào Nhật Bản khi lãi suất rất xuống còn ít hơn 1%. Tất nhiên, những nhà đầu tư muốn tìm kiếm lợi nhuận cao sẽ không mua yên và đầu tư vào Nhật Bản, họ muốn bán yên và đầu tư ở nơi khác, có thể là vào nền kinh tế đang bùng nổ của Mỹ chẳng hạn. Đối với Nhật Bản, tỷ giá hối đoái như một máy đo huyết áp và đồng yên rất giá cho thấy hệ thống kinh tế không có nhịp đập khỏe cho lắm. Mỹ và Nhật Bản đã cố đẩy mạnh đồng yên vào năm 1999 thông qua sự can thiệp và mua lại đồng yên trên những thị trường quốc tế - một chính sách gây nhiều tranh cãi và sẽ được bàn đến vào phần sau của chương.

Tác động của sự biến đổi tỷ giá hối đoái

Khách du lịch thường học rất nhanh nguyên tắc trò chơi hối đoái này. Khách du lịch nào cũng quan tâm đến việc tăng tối đa sức mua và giảm thiểu chi phí, nên họ muốn ngoại tệ mà họ có tăng giá nhất. Ví dụ bạn đi Tokyo, bạn muốn đồng đô-la lên giá (còn đồng yên giảm giá) từ 100¥ lên 120¥, để bạn có thể mua được nhiều yên, như vậy giá trị của mỗi đồng đô-la bạn sở hữu cũng tăng lên. Ngược lại, một sinh viên Nhật sang Mỹ lại hy vọng đồng đô-la xuống giá, để sức mua của đồng yên đối với đồng đô-la tăng.

Như vậy, sự biến đổi tỷ giá hối đoái có một tác động tương đối đơn giản và có thể dự đoán được đối với những vị khách nước ngoài. Tuy nhiên cuộc sống phức tạp hơn đối với các quốc gia và doanh nghiệp quốc tế, vì sự biến đổi tỷ giá hối đoái có nhiều tác động khác nhau đối với họ. Để có thể nhận biết điều này và thấy được các quốc gia có thể sử dụng tỷ giá hối đoái như một lợi thế như thế nào, chúng ta hãy xem ví dụ sau.

Một ví dụ đơn giản giữa hai quốc gia Mỹ và Ma-lai-xia, với hai đồng tiền đô-la và ring-gít, chúng ta sẽ tập trung vào một mặt hàng, đó là áo phông thể thao làm bằng vải bông, đại diện cho những mặt hàng được buôn bán giữa hai nước này. Giả sử giá áo phông do Mỹ sản xuất là 30 đô-la còn áo phông sản xuất tại Ma-lai-xia là 60 ring-gít (Xem bảng 7-3). (Điều tất nhiên là những nhà sản xuất áo phông sẽ tính giá hàng của họ bằng quốc tệ của mình). Như vậy áo phông của Mỹ sẽ có giá bao nhiêu tại Ma-lai-xia và giá áo phông Ma-lai-xia tại Mỹ là bao nhiêu? Câu trả lời cho những câu hỏi này phụ thuộc chủ yếu vào tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền.

Giả sử đơn giản tỷ giá hiện nay là 2 ring-gít ăn 1 đô-la hay 50 xu 1 ring-gít. Với tỷ giá này, giá áo phong sản xuất tại Ma-lai-xia và Mỹ rất cạnh tranh với nhau. Thật vậy, sau khi quy đổi, áo phong Ma-lai-xia có giá 60 ring-gít sẽ được bán với giá 30 đô-la tại Mỹ, bằng giá áo phong Mỹ¹². Như vậy áo phong của cả hai nước sẽ có giá trị tương đương nếu như không có sự khác biệt về kiểu dáng, chất lượng để người mua có thể thích áo phong này hơn áo phong khác.

Điểm xuất phát này là một ví dụ của tỉ suất sức mua ngang nhau, khi mà đồng tiền có sức mua tương đương trong và ngoài nước. Với tỷ giá hối đoái này, những nhà sản xuất có hiệu quả bằng nhau ở các nước khác nhau sẽ có sức cạnh tranh tương đương trên thị trường quốc tế.¹³ Nói một cách đơn giản, một người có 30 đô-la có thể mua một áo phong, do Mỹ hoặc Ma-lai-xia sản xuất, tại Mỹ hoặc Ma-lai-xia. Khi tỷ giá hối đoái với tỉ suất ngang nhau, tầm quan trọng của tỷ giá hối đoái không còn nữa. Việc mua bán được thực hiện dựa trên những lý do khác chứ không phải giá trị tỷ giá hối đoái.

Bảng 7-3 So sánh giá 2 áo phong thể thao

Mặt hàng	Giá tại Mỹ	Giá tại Ma-lai-xia
Áo phong sản xuất tại Mỹ	30 đô-la	60 ring-gít
Áo phong sản xuất tại Ma-lai-xia	30 đô-la	60 ring-gít

Tỷ giá hối đoái 1 đô-la = 2 ring-gít

Sự biến đổi tỷ giá hối đoái sẽ thay đổi sự cân bằng sức cạnh tranh giữa các quốc gia, khiến cho hàng hóa của một nước này có giá trị tốt hơn của nước khác. Giả sử, đồng đô-la lên giá so với đồng ring-gít, từ 2 ring-gít=1 đô la lên 4 ring-gít=1 đô la (điều này tương đương với việc đồng ring-gít mất giá từ 50 xu xuống 25 xu 1 ring-gít). Sự thay đổi tỷ giá này trên thực tế sẽ có ảnh hưởng lớn đến người bán và mua ở cả Ma-lai-xia và Mỹ. Bảng 7-4 cho ta thấy những ảnh hưởng này.

Trong khi giá áo phong trên thị trường nội địa sẽ không thay đổi (áo phong Mỹ vẫn có giá là 30 đô-la và áo phong Ma-lai-xia có giá là 60 ring-gít), giá của chúng ở thị trường nước ngoài sẽ thay đổi. Áo phong có giá 30 đô la tại Ma-lai-xia sẽ có giá 120 ring-gít. Vì đô-la đã đắt hơn so với ring-gít nên hàng hóa của Mỹ cũng

¹² Những tính toán này đã bỏ qua giá trị gia tăng gắn với việc giao dịch nước ngoài như vận chuyển, thuế v.v...

¹³ Đây là "sân chơi công bằng" mà các doanh nhân và các nhà kinh tế học thấy cần thiết trong thương mại và tài chính quốc tế. Tuy nhiên đối với những đối tượng khác "sân chơi công bằng" là sự rào cản thương mại không phân biệt chẳng hạn như thuế, hạn ngạch và trợ cấp.

đắt lên. Nếu như kiểu dáng và chất lượng như nhau, chúng ta có thể dự đoán người dân Ma-lai-xia sẽ chuyển từ hàng hóa Mỹ sang mua sản phẩm của Ma-lai-xia.

Tình trạng như vậy cũng xảy ra ở Mỹ. Áo phông Ma-lai-xia vẫn có giá là 60 ring-gít nhưng bây giờ mỗi ring-gít chỉ bằng 25 xu, so với 50 xu trước đây. Như vậy, áo phông Ma-lai-xia sẽ chỉ có giá là 15 đô-la tại Mỹ ($60 \text{ ringgít} / 4 = 15 \text{ USD}$). Người tiêu dùng Mỹ cũng sẽ chuyển sang mua hàng hóa Ma-lai-xia và không mua hàng đắt tiền hơn do Mỹ sản xuất.

Việc đồng đô la lên giá và đồng ring-gít giảm giá đã thay đổi giá cả so sánh giữa hàng hóa của hai nước. Người tiêu dùng đã chuyển sang mua hàng hóa của nước có đồng tiền rẻ hơn. Việc mua hàng hóa Ma-lai-xia tăng làm cho sản xuất, việc làm và thu nhập tại Ma-lai-xia cũng tăng. Trong khi đó, cầu đối với hàng hóa Mỹ giảm, sản xuất, việc làm và thu nhập tại Mỹ cũng giảm. Như vậy sự thay đổi tỷ giá hối đoái đã phân phối lại việc làm và thu nhập giữa các nước, nếu như mọi thứ khác không thay đổi. Tác động này có thể là tương đối nhỏ đối với nước Mỹ, vì nền kinh tế nội địa Mỹ lớn so với sự tham gia của nó vào thị trường toàn cầu, nhưng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến những nước như Ma-lai-xia có thị trường xuất khẩu hàng hóa tương đối lớn.

Tỷ giá hối đoái tác động đến những chiếc áo phông được lấy làm ví dụ ở đây cũng như tác động đến *tất cả những thứ khác* mà một nước mua và bán trên thị trường quốc tế. Thật ra tỷ giá hối đoái là một loại giá ảnh hưởng đến tất cả những loại giá khác. Sự ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến sức mạnh và sự giàu có của một quốc gia là rất quan trọng.¹⁴

Khi mà giá trị hối đoái của một đồng tiền thấp hơn so với giá trị sức mua cân bằng giá quốc tế, đồng tiền đang bị *định giá thấp*. Ví dụ khi tỷ giá Sức mua tương đương của đồng ring-gít là 50 xu/1 ring-gít nhưng trên thị trường giá trị đồng ring-gít rớt xuống 25 xu. Như chúng ta thấy, những quốc gia theo thuyết trọng thương sẽ mong muốn có một đồng tiền rẻ thông qua việc thao túng bằng một cách nào đó thị trường hối đoái. Đồng tiền rẻ sẽ chuyển dịch sản xuất quốc tế về phía có lợi cho quốc gia này. Việc có đồng tiền rẻ là điều tốt cho công nghiệp nội địa, vì nhập khẩu giảm còn xuất khẩu tăng. Tuy nhiên vẫn có mặt trái của việc đồng tiền mất giá. Những hàng hóa mà chúng ta **phải** nhập khẩu sẽ đắt hơn khi đồng tiền của bạn rẻ đi. Nếu như một quốc gia phải nhập khẩu những sản phẩm thiết yếu ví dụ

¹⁴ Không phải lúc nào tất cả các nước đều bị ảnh hưởng giống nhau bởi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Những quốc gia "mở" như Anh cũng bị ảnh hưởng mạnh hơn những quốc gia "đóng" như Mỹ. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái phụ thuộc vào nguyên nhân, định hướng, mức độ của sự thay đổi, những hành động tương đồng của các quốc gia khác.

nư thực phẩm, dầu lửa, tác động này sẽ làm giảm tiêu chuẩn sống và kìm hãm phát triển kinh tế cũng như tăng lạm phát. Trong đa số trường hợp, rất khó có thể khẳng định đồng tiền rẻ là tốt hay xấu đối với một quốc gia. Việc tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ gây ra hàng loạt những biến đổi trong quan hệ kinh tế đối ngoại, cả tích cực lẫn tiêu cực và rất khó xác định được tác động chung cuộc.

Bảng 7-4 So sánh giá sau khi giá Ring-gít giảm

Mặt hàng	Giá tại Mỹ	Giá tại Ma-lai-xia
Áo phông sản xuất tại Mỹ	30 đô-la	120 ring-gít
Áo phông sản xuất tại Ma-lai-xia	15 đô-la	60 ring-gít

Đôi khi những quốc gia kém phát triển cố gắng tận dụng tỷ giá hối đoái bằng cách *định giá cao* đồng tiền của mình để thay đổi điều kiện mua bán có lợi cho mình và tiếp cận được hàng nhập khẩu rẻ hơn. Chi phí nhập khẩu hàng hóa, bao gồm cả thực phẩm, vũ khí, hàng công nghiệp thấp một cách giả tạo vì giá trị đồng tiền quá cao. Các nước kém phát triển có thể áp dụng chiến lược này nếu như họ gặp khó khăn trong nhập khẩu công nghệ hoặc những sản phẩm thiết yếu như dầu lửa. Mặc dù hàng hóa của họ trở nên kém cạnh tranh hơn ở nước ngoài, ít ra họ cũng có được những sản phẩm nhập khẩu ở mức chi phí thấp hơn.

Trên thực tế, các nước kém phát triển rất khó có thể tận dụng được việc định giá cao đồng tiền của mình vì thường thì đồng tiền của họ rất yếu và không được sử dụng trong kinh doanh và tài chính quốc tế. Tuy nhiên, không thể ngăn cản họ làm điều này và nhiều đồng tiền của các nước kém phát triển đang được định giá quá cao một cách có hệ thống với mục đích nhập khẩu vũ khí với giá thấp hơn một chút. Điều này hầu như luôn luôn ngăn chặn sản xuất nội địa, khiến cho các nước kém phát triển lệ thuộc vào những nhà xuất khẩu và cho vay nước ngoài.

Khủng hoảng trong khu vực dùng đồng Franc CFA

14 quốc gia châu Phi (Bê-nanh, Burkina Faso, Bờ biển ngà, Mali, Niger, Senegal, Togo, Ca-mơ-run, Cộng hòa Trung Phi, Chad, Công-gô, Guinea Xích đạo, Cormoros và Gabon) đã thiết lập một cấu trúc tài chính quốc tế đặc biệt mang tên Khu vực đồng Franc Trung Phi hay còn gọi là khu vực CFA. Tiền của các quốc gia thuộc thể giới thứ ba này phụ thuộc vào đồng Franc Pháp vì quan hệ hối đoái giữa Pháp và những quốc gia từng là thuộc địa của Pháp này tương đối ổn định.

Việc tham gia vào CFA là một sự may mắn xen lẫn rủi ro đối với những quốc gia Châu Phi này. Một mặt họ được lợi từ tỷ giá hối đoái và quan hệ ngoại thương ổn định hơn nhiều so với trường hợp đồng tiền của họ được phép thả nổi so với các

đồng tiền khác. Về thực chất, các thành viên của khu vực CFA, các quốc gia có đồng tiền yếu trên mọi phương diện, đã có được một vài ưu điểm của đồng tiền mạnh bằng cách liên kết một cách chính thức đồng tiền của họ với đồng Franc Pháp. Tuy nhiên chiến lược này cũng có cái giá của nó. Một trong những chi phí quan trọng nhất đó là giá trị đồng tiền của họ đối với đô-la Mỹ phụ thuộc vào quan hệ giữa kinh tế Mỹ và Pháp chứ không phải bởi những yếu tố liên quan đến nền kinh tế của bản thân họ, điều này trong một số trường hợp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Vào những năm 80 và đầu 90, giá trị của đồng Franc CFA bắt đầu tăng. Trong khi giá trị của đồng Franc Pháp và đồng Franc CFA thể hiện giá trị của vé "Franc Pháp" trên thị trường quốc tế, nhưng nó không thể hiện giá trị tương đương để mua hàng hóa và dịch vụ từ các nền kinh tế Châu phi này.

Việc đồng Franc CFA được định giá cao đã tạo nên những người thắng, kẻ thua ngay trong số các quốc gia thành viên. Ngành nông nghiệp bị chịu ảnh hưởng của sự mất cân bằng tiền tệ. Việc giá đồng Franc CFA cao khiến cho việc xuất khẩu nông sản của các quốc gia này kém cạnh tranh trên thị trường quốc tế (vì đồng Franc CFA đắt nên sản phẩm của CFA cũng đắt đối với người mua). Trong khi đó, nông sản nhập khẩu vào CFA trở nên tương đối rẻ, vì giá các ngoại tệ khác so với Franc CFA thấp đi, gây sức ép khiến những người nông dân CFA phải giảm giá để có thể cạnh tranh. Những ngành quan trọng của các quốc gia CFA như nông nghiệp đã bị mất lợi thế vì giá đồng Franc CFA cao.

Hàng hóa xa xỉ, vũ khí, dầu lửa, thuốc và những mặt hàng nhập khẩu khác trở nên rẻ một cách giả tạo do tỷ giá đồng Franc CFA, làm lợi cho một thiểu số người dân khu vực CFA mua số lượng lớn những mặt hàng trên.

Ngày 12 tháng 1 năm 1994, đồng Franc CFA bị giảm giá 50% so với đồng Franc Pháp – một sự kiện thật sự đau buồn vì tỷ giá hối đoái là một loại giá ảnh hưởng đến tất cả các loại giá khác trong quốc gia. Nếu tính bằng tiền Franc Pháp, giá của các mặt hàng nhập khẩu từ Pháp tăng gấp đôi trong vòng 1 đêm còn giá các mặt hàng xuất khẩu của họ giảm 1 nửa cho những nhà nhập khẩu nước ngoài. Những khoản nợ tính bằng tiền Franc Pháp tăng gấp đôi. Mặc dù quyết định tài chính này có mục đích nhằm tăng sức cạnh tranh của các quốc gia CFA đối với các nước khác, nhưng trên thực tế có rất nhiều người được và kẻ mất. Nói chung những người nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ngoài khu vực CFA sẽ có tính cạnh tranh cao hơn đối với những người sản xuất hàng hóa. Đồng Franc CFA rẻ hơn cho phép những sản phẩm của họ có lợi thế trên thị trường so với hàng ngoại. Tuy nhiên những người mua số lượng lớn hàng nhập khẩu cũng như những người vay các khoản nợ tính bằng ngoại tệ mạnh như Franc Pháp đều bị thiệt.

Các nước Châu Phi bị tác động đột ngột và rất mạnh vì chi phí tính bằng nội tệ của việc nhập khẩu từ Pháp (và các quốc gia có đồng tiền mạnh khác) tăng vọt. Tuy nhiên phương án khác ngoài việc giảm giá đồng CFA cũng tối tăm không kém.

Thời báo tài chính London tường thuật như sau: “phương án khác cho việc giảm giá đồng CFA cũng không sáng sủa. Sự giúp đỡ tài chính của Pháp sẽ bị các quốc gia CFA sử dụng hết vào việc trả lãi những món nợ nước ngoài, vì nếu không giảm giá đồng tiền, những nước này sẽ không được Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ khác cung cấp những khoản tín dụng mới. Quan hệ giữa các nước thành viên CFA và Pháp sẽ ngày càng giống quan hệ giữa Cuba và Liên Xô trước đây...”.¹⁵

Bài viết của *Thời báo New York* thì cho rằng chế độ CFA là một tàn dư của chủ nghĩa đế quốc từ thế kỷ 19. “Điểm cơ bản trong quan hệ hậu thuộc địa của Pháp là kinh tế. Ví dụ như Bờ Biển Ngà nhập khẩu 40% số lượng hàng hóa từ Pháp và Pháp sở hữu 1/3 nền công nghiệp sản xuất của nước này. Ngoài ra, hơn 1 nửa viện trợ nước ngoài của Pháp đổ vào Châu Phi, biến nước này thành người bảo trợ lớn nhất của châu lục này”.¹⁶

Theo *Thời báo Tài chính*, việc giảm giá đột ngột đã khiến nhiều người ở Pháp và Châu Phi “tức giận”. “Về mặt chính trị, họ buộc tội chính phủ Pháp đã phản bội những nước thuộc địa cũ và những người bạn của mình. Về mặt kinh tế, họ thấy sự kết thúc của thị trường, nơi mà khả năng mua bán của những người Châu Phi được duy trì một cách giả tạo bằng một tỷ suất không thay đổi từ năm 1948. Về mặt tài chính, họ bị chao đảo vì tài sản của các nước Châu Phi bị mất một nửa giá trị và dòng tiền bị phá vỡ nặng nề.”¹⁷

Thời báo New York tường thuật: “mọi người cố gắng làm quen với sự tăng giá gần như tất cả những thứ mà họ ăn và uống. Giá dược phẩm, hầu hết là hàng nhập khẩu, vọt tăng. Chi phí cho thuốc chống sốt rét, thủ phạm giết nhiều người nhất châu lục tăng gần gấp đôi ở nhiều nơi, khiến nhiều người Châu Phi không đủ tiền mua.”¹⁸

Trường hợp đồng Franc CFA minh họa cho một vài điểm quan trọng về cơ cấu tài chính liên quan đến các nước kém phát triển như các quốc gia Pháp ngữ tại Châu Phi. Rõ ràng là tỷ giá hối đoái quan trọng, tác động đến chi phí nhập khẩu những mặt hàng thiết yếu, đến tính cạnh tranh về giá của xuất khẩu, đến giá trị tài sản do người nước ngoài xác định, đến khả năng nhận viện trợ nước ngoài (hỗ trợ của IMF và WB) cho các khoản nợ và nhiều vấn đề khác. Tỷ giá hối đoái thực sự có ý nghĩa đối với các nước kém phát triển. Điểm thứ hai là đồng tiền yếu của các nước kém phát triển là một bất lợi trên thị trường tài chính quốc tế. Các quốc gia CFA tận dụng được tỷ giá cố định đối với đồng Franc hơn 45 năm, nhưng vào thời điểm quyết định năm 1994 họ đã không được bảo vệ trước sự hỗn loạn tài chính.

¹⁵ “Disquite Over CFA Franc Fall”. Tạp chí Financial Times 28/1/1994, tr.6

¹⁶ “French Currency Move Provokes Unrest in Africa”. Tạp chí New York Times 23/2/1994, tr.6

¹⁷ “Disquite Over CFA Franc Fall” tr.6

¹⁸ “ French Currency Move provokes Unrest in Africa”, tr.1

Theo đại diện Citibank Robert Thorton phát biểu với *Thời báo New York* :
“Người ta đã thực hiện những phép tính trước khi hạ giá đồng Franc CFA. Những quyết định IMF và WB, việc Pháp bỏ qua nợ, tất cả đều rất khích lệ.” Tuy nhiên thời gian đầu các nước CFA sẽ chịu nỗi đau giảm chất lượng cuộc sống để sau đó có lợi từ việc mở rộng xuất khẩu và tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Đồng Franc CFA sẽ đi vào một kỷ nguyên mới trong thế kỷ 21. Khi Pháp gia nhập hệ thống tiền tệ Châu Âu và đổi Franc sang Euro, khu vực CFA sẽ theo chân và phụ thuộc vào đồng Euro. Tuy nhiên còn quá sớm để phát biểu liệu “đồng euro CFA” sẽ là một công cụ tiền tệ hiệu quả đối với các nước và người dân Trung Phi hay không.

Tính không ổn định của tỷ giá hối đoái

Vì tỷ giá hối đoái là một loại giá ảnh hưởng đến tất cả các loại giá khác trong một nước (đối với người nước ngoài), nên việc duy trì tỷ giá ổn định và có thể điều chỉnh một cách xuôi chèo mát mái tùy thuộc vào sự biến đổi điều kiện chính trị và kinh tế là rất quan trọng. Một điều đáng nhớ là rất nhiều đồng tiền quan trọng nhất của thế giới đều trải qua những bất ổn trong thập kỷ vừa qua. Tỷ giá hối đoái bất ổn định gây ra những căng thẳng về chính trị và kinh tế trong từng nước và giữa các quốc gia với nhau. Tỷ giá hối đoái bất ổn đôi khi buộc các chính phủ phải lựa chọn giữa nhu cầu nội địa và trách nhiệm của họ đối với hệ thống thương mại và tài chính quốc tế.

Lạm phát và Sức mua tương đương. Tính bất ổn của tỷ giá hối đoái không phụ thuộc vào 1 yếu tố nhất định nào mà là hậu quả của nhiều yếu tố cấu thành những khuôn mẫu di chuyển bất ổn của tỷ giá hối đoái. Để đơn giản hóa vấn đề, chúng ta hãy coi những tác nhân đẩy như những địa tầng khác nhau. Địa tầng đầu tiên dựa trên sự khác biệt về giá cả quốc tế và lạm phát. Về dài hạn, nguyên tắc sức mua tương đương có tác dụng. Ví dụ quốc gia A có lạm phát thấp hơn quốc gia B, người ta sẽ thích mua hàng hóa của A hơn B và như vậy cũng mua đồng tiền A nhiều hơn. Như vậy về dài hạn, chúng ta dự đoán đồng tiền A sẽ lên giá còn tiền B hạ giá. Đây là một chuyển dịch tỷ giá hối đoái cần thiết và có lợi. Nhưng lạm phát không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.

Chính sách kinh tế. Lãi suất và chính sách kinh tế thay đổi sẽ là yếu tố độc lập thứ hai ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái giữa A và B. Ví dụ nếu ngân hàng trung ương của B nâng lãi suất ngắn hạn (có thể để giảm lạm phát), các quỹ đầu tư sẽ đổ về nước B, làm đồng tiền B lên giá. Như vậy việc đồng tiền B hạ giá dài hạn sẽ bị ngắt quãng bởi sự lên giá ngắn hạn. Ngân hàng trung ương là những cơ quan tiền tệ quốc gia đại diện cho các quốc gia-dân tộc trên trường quốc tế. Ví dụ Hệ

thống dự trữ Liên bang là Ngân hàng Trung ương của Mỹ. Nếu như chúng ta xem đồng tiền Mỹ, chúng ta sẽ thấy đô-la là tiền do Cục Dự trữ Liên bang phát hành. Cục Dự trữ Liên bang điều chỉnh số lượng tiền và tín dụng tại Mỹ, đóng vai trò điều hòa trong hệ thống ngân hàng, hợp tác với các ngân hàng trung ương khác.

Bong bóng giá tài sản. Trong một vài hoàn cảnh nhất định, chính sách kinh tế của B có thể gây ra bong bóng đầu tư. Điều này xuất hiện khi những nhà đầu tư quốc tế bắt đầu rót tiền vào nước này, được khuyến khích bởi những thông tin tốt về kinh tế hoặc hy vọng tiến triển khả quan. Khi mà làn sóng đầu tư thâm nhập vào quốc gia, thị trường chứng khoán và các đầu tư khác có thể tăng vọt, đồng thời đồng nội tệ cũng lên giá. Điều này tạo ra những khoản lợi nhuận trên giấy lớn khi các nhà đầu tư tính toán mình lãi bao nhiêu từ số tài sản của mình nhân với tỷ giá hối đoái cao như vậy.

Lợi nhuận từ làn sóng đầu tư đầu tiên sẽ khuyến khích việc tái đầu tư, và những làn sóng này làm tràn ngập nền kinh tế, đẩy giá đồng nội tệ và tài sản lên cao. Vấn đề của các nước kém phát triển là không có đủ những cơ hội đầu tư tốt để thu hút tất cả những nguồn vốn nước ngoài như vậy. Đến một thời điểm nào đó, những nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy lo ngại là những khoản đầu tư của họ không còn được an toàn như trước nữa. Bong bóng có thể nổ ra, với nhiều hậu quả nghiêm trọng. Khi những nhà đầu tư bán tháo và rút vốn về nước, cả tỷ giá hối đoái và giá tài sản bắt đầu rút. Điều này tất nhiên tác động đến các nhà đầu tư, và thậm chí là tác động nhiều hơn đến các bộ phận khác của nền kinh tế bị chịu ảnh hưởng của thương mại và tài chính, đồng thời gây ra những vấn đề về chính trị và xã hội.

Sự sụp đổ của đồng pê-sô Mê-hi-cô những năm 1994-1995 là do bong bóng đầu tư như vừa được miêu tả ở trên. Dù bạn có thể cho rằng những nhà đầu tư nước ngoài sẽ rút ra được kinh nghiệm từ bài học trên, nhưng thường trí nhớ của họ rất ngắn và một bong bóng tài chính khác đã nổ ra, lần này là ở Châu Á, gây ra sự sụp đổ của đồng bạc Thái năm 1997 và gây ra khủng hoảng kinh tế Châu Á ngay sau đó.¹⁹

Sự can thiệp của Ngân hàng Trung ương. Có thể ở thời điểm này Ngân hàng Trung ương nước A lo ngại về việc đồng nội tệ của họ lên giá liên tục trong thời gian dài khiến ngành xuất khẩu trở nên kém cạnh tranh so với nước B. Nếu như vậy A có thể dùng số lượng tiền dự trữ của mình và can thiệp trên thị trường hối đoái, bằng cách bán nội tệ để giảm tỷ giá hối đoái và tăng giá đồng tiền nước B. Nếu

¹⁹ Xem Michael Veseth: "Selling Globalisation: The Myth of the Global Economy" (Boulder CO: Lynne Rienner 1998) tr. 75-89

điều đó xảy ra, chúng ta có thể thấy sự biến đổi lớn trong tỷ giá hối đoái ngược lại với di chuyển của sức mua tương đương trong thời gian dài. Đây có thể là một điều tốt và hữu ích nếu như giải quyết được những vấn đề kinh tế và chính trị trong thời gian ngắn hạn. Nhưng nó cũng có thể khiến cho tỷ giá dao động bất thường, dễ bị đầu cơ.

Đầu cơ. Những nhà đầu cơ đó là những cá nhân và tổ chức đặt cược vào hướng di chuyển của tỷ giá hối đoái trong thời gian tiếp theo. Nếu như họ nghĩ đồng tiền A ngày mai sẽ hạ giá, họ sẽ bán nó vào ngày hôm nay với hy vọng sẽ mua lại vào ngày mai với giá thấp hơn và có lãi từ những thay đổi tỷ giá hối đoái này. (Nếu họ dự đoán sai, họ sẽ lỗ). Những hành động đầu cơ này nhiều khi mang tính xây dựng, giúp cho thị trường di chuyển một cách hiệu quả hơn về phía trạng thái cân bằng thị trường. Tuy nhiên, nhiều khi đầu cơ trở nên nguy hiểm và mang tính tàn phá, đặc biệt nếu như nó biến thành một đợt *tấn công đầu cơ*.

Tấn công đầu cơ. Tấn công đầu cơ thực chất là một sự đối đầu giữa ngân hàng trung ương, với nhiệm vụ duy trì tỷ giá hối đoái của một nước ở một mức nhất định, và những người đầu cơ tiền tệ quốc tế quyết tâm để ngân hàng nhà nước không hoàn thành mục tiêu của mình. Những nhà đầu cơ tấn công đồng tiền bằng cách vay số lượng lớn tiền và bán lại nó trên thị trường hối đoái. Ngân hàng trung ương duy trì mục tiêu của mình bằng cách sử dụng dự trữ ngoại tệ để mua số lượng tiền mà giới đầu cơ đang bán. Nếu như ngân hàng tiếp tục thực hiện chính sách này, nhà đầu cơ sẽ mất ít vì họ có thể mua lại nội tệ để trả nợ với tỷ giá hối đoái bằng tỷ giá họ đã bán. Tuy nhiên, nếu ngân hàng trung ương không muốn can thiệp để duy trì sự ổn định của nội tệ hoặc thiếu dự trữ ngoại tệ, đồng nội tệ sẽ mất giá. Giới đầu cơ có thể mua lại nội tệ với giá rẻ hơn và thu được lợi nhuận lớn kể cả sau khi họ đã trả nợ.

Những cuộc tấn công đầu cơ là lý do dẫn đến sự sụp đổ của đồng ru-pi In-đô-nê-xia và ring-gít Ma-lai-xia những năm 1997-1998 cũng như đồng bảng Anh và đồng Lir Italia những năm 1992-1993.²⁰ Chừng nào vốn đầu tư còn có thể tự do di chuyển giữa các quốc gia, những cuộc khủng hoảng do tấn công đầu cơ và bong bóng đầu tư vẫn có thể xuất hiện. Tuy nhiên tỷ giá hối đoái có thể thể hiện nhiều loại hình khác nhau qua thời gian, gồm cả sự ổn định, chu kỳ, bùng nổ, sụp đổ... Vấn đề của hệ thống tiền tệ quốc tế là đưa ra những phương hướng để các quốc gia có thể đối phó với môi trường tài chính phức tạp này.

²⁰ Sđd, tr. 89-98

Giới thiệu hệ thống tiền tệ quốc tế

Hệ thống tiền tệ quốc tế là một tập hợp những quan hệ định đoạt phương thức thanh toán quốc tế và cách giải quyết nợ quốc tế.²¹ Do thanh toán quốc tế thường bao gồm những giao dịch hối đoái – ví dụ đổi tiền đô-la sang tiền yên để trả tiền những sản phẩm nhập khẩu từ Nhật Bản, sẽ thuận lợi hơn nếu chúng ta coi hệ thống tiền tệ quốc tế là hệ thống sắp xếp hoạt động hối đoái.

Hệ thống hối đoái sắp xếp những giới hạn và điều kiện thanh toán quốc tế và xác định phương thức chuyển đổi tiền tệ giữa các nước (tỷ giá hối đoái). Có 3 loại hệ thống quan trọng đối với chúng ta:

- Tỷ giá hối đoái cố định, theo đó tỷ giá hối đoái chịu ảnh hưởng lớn của nhà nước
- Tỷ giá hối đoái linh hoạt hoặc “thả nổi”, theo đó thị trường hối đoái quốc tế là những yếu tố tác động cơ bản đến tỷ giá hối đoái
- Tỷ giá hối đoái được quản lý hoặc “phối hợp”, cả nhà nước và thị trường đều tác động đến tỷ giá hối đoái.

Vào thế kỷ 20, chúng ta đã trải qua tất cả những hệ thống khác nhau trên. Mỗi hệ thống đều cố gắng đạt cùng một lúc ba mục tiêu khác nhau và thường mâu thuẫn với nhau: tính ổn định, tính linh hoạt và độ tin cậy.

Tỷ giá hối đoái ổn định và hệ thống tỷ giá hối đoái ổn định là những điều kiện cần thiết đối với thương mại và tài chính quốc tế. Sự mất ổn định ngăn cản những cá nhân và quốc gia thiết lập mối quan hệ gần gũi và khuyến khích các quốc gia hành động vì lợi ích hẹp của bản thân. Tuy nhiên một tỷ giá hối đoái “đúng đắn” của đồng tiền này so với đồng tiền kia sẽ thay đổi theo thời gian vì nền kinh tế của những quốc gia này cũng dịch chuyển về những hướng khác nhau với tốc độ khác nhau.

Hệ thống hối đoái cần phải tương đối linh hoạt đủ để đánh giá một cách hiệu quả giá trị của những đồng nội tệ qua thời gian, điều đó có nghĩa là không đồng tiền nào được cho phép tăng giá (giá quá cao) hoặc mất giá (giá quá thấp) trong một thời gian dài. Nếu đồng tiền liên tục bị định giá sai sẽ gây ra sự méo mó trong quan hệ kinh tế quốc tế và nhiều khi dẫn đến quan hệ chính trị méo mó. Ví dụ trong giai đoạn 1981-1985, đồng đô la Mỹ liên tục tăng giá làm hàng hóa Mỹ kém cạnh tranh trên thị trường thế giới (sự méo mó về kinh tế). Quốc hội đe dọa áp

²¹ Trên thực tế, hệ thống tiền tệ quốc tế là một cấu trúc của Kinh tế chính trị quốc tế. Bởi vì thường được đề cập đến như là một “hệ thống” nên từ đây ta sẽ sử dụng thuật ngữ này.

dụng hàng rào thương mại và những biện pháp khác đối với những đồng minh chính trị của Mỹ (sự méo mó về chính trị) nhằm giải quyết một cách chính trị trạng thái mất cân bằng kinh tế này.

Hệ thống hối đoái cũng phải đủ linh hoạt để giải quyết những sự kiện không mong đợi xảy ra trong nền kinh tế chính trị quốc tế. Những cơ cấu chính trị và kinh tế quốc tế liên tục biến đổi thường gây ra sự méo mó của dòng chảy tài chính đối với khuôn mẫu lịch sử của chúng và hệ thống hối đoái phải có khả năng hỗ trợ những biến đổi đó, kể cả là tạm thời hay dài hạn. Vào những năm 70 của thế kỷ 20, sự phát triển của OPEC và giá dầu lửa tăng đã thay đổi hoàn toàn hình mẫu thanh toán quốc tế, chuyển dịch hàng tỷ đô-la đến các nước xuất khẩu dầu lửa. Vào những năm 90 vấn đề điều chỉnh này lại liên quan đến các nước đang hội nhập là Nga và Trung Quốc, các nước vì lý do chính trị nên trước đây ít tham gia vào thị trường tài chính quốc tế, nay cần được tham gia vào hệ thống tiền tệ toàn cầu mà không ảnh hưởng đến những nước khác.

Cuối cùng, hệ thống hối đoái cần phải đáng tin cậy, trong bối cảnh này có nghĩa là đủ lý do để tin tưởng rằng những người chơi trong hệ thống này, như ngân hàng trung ương, sẽ chấp hành những cam kết họ đã tham gia và nhìn chung sẽ chấp hành luật chơi. Nếu như hệ thống thiếu uy tín, những nhà đầu cơ sẽ xé rời nó và đặt cược là ngân hàng trung ương sẽ làm theo lợi ích của bản thân chứ không phải những gì họ đã cam kết với công chúng. Sự thiếu uy tín là nguyên nhân dẫn đến tấn công đầu cơ gây ra khủng hoảng tiền tệ vào những năm 1990.

Như vậy, hệ thống tỷ giá hối đoái phải ổn định, linh hoạt và đáng tin cậy. Nó cần phải đủ ổn định để khuyến khích những cam kết dài hạn giữa các quốc gia nhưng cũng cần đủ linh hoạt để thay đổi một cách trôi chảy theo thời gian. Chắc bạn sẽ không ngạc nhiên khi khám phá ra rằng chúng ta chưa tìm ra hệ thống tuyệt đối để có được cả 2 đặc tính trên, tuy nhiên cũng có một vài cách tiếp cận cố gắng bao gồm cả tỷ giá hối đoái cố định, tỷ giá hối đoái dựa vào thị trường lẫn tỷ giá hối đoái được kiểm soát.

Hệ thống tiền tệ quốc tế có đạt được 3 mục tiêu này hay không? Chúng ta bắt đầu cuộc thảo luận bằng hệ thống Bretton Woods và theo dõi quá trình hình thành và thay đổi của hệ thống này trong giai đoạn hậu chiến.

Hệ thống Bretton Woods

Nền kinh tế chính trị quốc tế sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai được hình thành tại Bretton Woods, New Hampshire và những sinh viên môn Kinh tế chính trị quốc

tế cần phải làm quen với cái gọi là hệ thống Bretton Woods. Khách sạn Mount Washington tại Bretton Woods là nơi diễn ra hội nghị kinh tế năm 1944 hội tụ lãnh đạo kinh tế của các quốc gia đồng minh. Nhiệm vụ mà họ được giao phó là thiết lập một trật tự kinh tế hậu chiến một cách ổn định và linh hoạt, khuyến khích phát triển kinh tế, tránh những sức ép của chủ nghĩa dân tộc đã dẫn tới hai cuộc thế chiến chỉ trong khoảng thời gian một thế hệ. Đây là một công việc lớn.

Những gì được thiết lập tại Bretton Woods là một tập hợp những thể chế quốc tế và một hình thức đặc biệt của hệ thống tiền tệ quốc tế. Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch²² là những thể chế đã được tạo ra trong hội nghị quan trọng này, bên cạnh hệ thống hối đoái Bretton Woods, đó là những đặc điểm nổi bật của hệ thống tiền tệ thế giới từ năm 1946 đến khoảng năm 1973.

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) là ngân hàng trung ương của ngân hàng trung ương. IMF là một tổ chức quốc tế có mục tiêu thiết lập quan hệ tài chính quốc tế ổn định và phản ứng nhanh giữa các quốc gia, giống như ngân hàng trung ương mong muốn tạo một môi trường tài chính tối ưu trong lãnh thổ một quốc gia vậy. Từ khi được thành lập tại Bretton Woods, IMF đóng một vai trò quan trọng trong hệ thống tiền tệ quốc tế.

Chức năng gây tranh cãi nhất của IMF đó là tư cách người cho vay cuối cùng trong tài chính quốc tế. Có nghĩa là IMF sẵn sàng cho các quốc gia nợ nần vay để cứu họ thoát khỏi sự sụp đổ dưới sức nặng của những nghĩa vụ tài chính của mình, vì điều này có thể gây ra sự hoảng loạn và hỗn loạn trong hệ thống tài chính quốc tế. Tuy nhiên sự giúp đỡ của IMF là có điều kiện, các nước tìm kiếm sự giúp đỡ này phải chấp nhận hàng loạt các chính sách thắt lưng buộc bụng như tăng thuế, giảm chi phí ngân sách, giảm trợ cấp từ ngân sách.... Những chính sách này làm giảm điều kiện sống của quốc gia trong ngắn hạn nhưng thường có hiệu quả trong việc giành lại sự ổn định về ngân sách. Những cải cách tại Mê-hi-cô do IMF tài trợ bắt đầu vào giữa những năm 1980 đã giành được một số thành công trong việc thiết lập một nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế của Mê-hi-cô, tuy nhiên những khó khăn ngân sách và khủng hoảng tiền tệ của Mê-hi-cô năm 1995 chứng tỏ cải cách vào giữa năm 1980 đã không hoàn thành tất cả những mục tiêu đã đề

²² Những thỏa thuận của Bretton Woods không bao gồm GATT. Những đề xuất từ Bretton Woods bao gồm một thể chế mạnh hơn – Tổ chức thương mại quốc tế (ITO). ITO có quyền lực thực hiện các chính sách thương mại tự do. Quyền lực này có thể còn hơn cả quyền lực của quốc gia trong thời kỳ đầu hậu chiến. Hệ thống GATT yếu hơn nhưng thành công hơn cũng chỉ mới nổi lên trong vài năm gần đây với mục đích thu hẹp khoảng cách do ITO tạo ra với tư cách là một thể chế khuyến khích thị trường mở và thương mại tự do.

ra. Tuy nhiên, những người theo thuyết trọng thương thường cho rằng IMF hoạt động vì lợi ích của cổ đông lớn nhất của mình là Mỹ, còn người theo chủ nghĩa cấu trúc coi IMF là một bộ phận của các quốc gia tư bản ở vùng lõi bóc lột các nước ngoại vi.

Ngân hàng Thế giới (WB) là một sản phẩm khác của Bretton Woods. Tên chính thức của Ngân hàng Thế giới là Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD), mang tính miêu tả nhiều hơn. Trong thời gian ngay sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Ngân hàng Thế giới hỗ trợ tài chính cho việc tái thiết các nền kinh tế của Châu Âu bị chiến tranh tàn phá. Từ những năm 1950, Ngân hàng Thế giới tập trung vào những vấn đề của các nước kém phát triển thông qua các khoản tín dụng với những điều kiện tốt hơn nhiều so với trên thị trường tài chính quốc tế nói chung.

Giống như IMF, WB cũng gây ra nhiều tranh cãi và nghi ngờ về động cơ hoạt động của mình. Ngân hàng cho vay tín dụng vì những mục đích phát triển kinh tế, ví dụ như nâng cấp hệ thống đường ray hoặc thoát nước, nếu như các dự án này kích thích tăng trưởng kinh tế, nhưng không thể cho vay để nâng tính công bằng xã hội hoặc giảm chênh lệch thu nhập nếu trừ khi nhìn thấy rõ lợi nhuận tài chính. Những năm gần đây, Ngân hàng Thế giới bị chỉ trích do tài trợ những dự án gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường – tăng trưởng kinh tế thường có hại cho thiên nhiên - nhưng gần đây WB đã có những sáng kiến “xanh” nhằm quảng bá sự tăng trưởng kinh tế thân thiện với môi trường tại các nước kém phát triển.

Hệ thống Bretton Woods là một nỗ lực nhằm thiết lập một tập hợp cơ cấu kinh tế chính trị quốc tế trên nền tảng những thể chế quốc tế đa nguyên, không phải là sức mạnh của một quyền lực độc tôn. Mỹ muốn có một hệ thống quan hệ quốc tế trật tự tuy nhiên không muốn đóng vai trò mà Vương quốc Anh đã từng có ở thế kỷ 19, với nhiều gánh nặng. Vì vậy, trong khi Phố Lombard tại London từng là trung tâm của hệ thống hối đoái bản vị vàng, thì hệ thống tiền tệ quốc tế đa phương lại là trung tâm của hệ thống tiền tệ Bretton Woods.

Hệ thống hối đoái Bretton Woods có thể coi là một tỷ giá hối đoái cố định xây dựng trên tiêu chuẩn vàng-đô-la. Về lý thuyết, mỗi quốc gia đều ấn định một tỷ giá cố định giữa đồng nội tệ và vàng. Mỹ cũng ấn định tỷ giá là 35 USD/1 ounce vàng. Tuy nhiên, trong thực tế, Mỹ đã ấn định tỷ giá hối đoái cố định giữa đô-la và những đồng tiền khác, và đô-la trở thành công cụ thanh toán cho các giao dịch quốc tế. Có thể cho rằng hệ thống hối đoái Bretton Woods là một bánh xe với trục là đồng đô-la. Mặc dù không muốn nhưng Mỹ đã phải gánh trọng trách của nước đi

đầu, điều chỉnh đô-la một cách thích hợp để hệ thống tài chính quốc tế được ổn định và linh hoạt ở một mức độ cần thiết.²³

Hệ thống này đã hoạt động tốt vào những năm 50 và đầu những năm 60 khi mà Mỹ rõ ràng là một nền kinh tế vững mạnh nhất thế giới. Mỹ cung cấp đô-la cho hệ thống thế giới, kích thích tăng trưởng kinh tế tại Châu Âu và Nhật Bản, tạo nên nhiều thị trường mới và to hơn đối với hàng hóa và dịch vụ của Mỹ. Giai đoạn thành công lớn của Bretton Woods cũng là thời gian mà toàn thế giới tăng trưởng một cách mạnh mẽ và thịnh vượng.

Tuy nhiên, dần dần Mỹ đã cảm thấy không thoải mái trong vai trò bá quyền của mình. Châu Âu và Nhật Bản duy trì và mở rộng sự tăng trưởng tự lực của mình, họ không cần tiếp nhận nhiều đồng đô-la nữa. Nhưng Mỹ gặp khó khăn trong việc kìm hãm dòng chảy tiền tệ này vì việc chuyển đô-la ra nước ngoài (để mua hàng hóa và đầu tư) đã trở thành một hình thức hiệu quả nhằm quản lý tình hình trong nước đang ngày càng trở nên phức tạp. Như David P. Calleo đã khẳng định, Mỹ thay đổi từ một “bá quyền nhân từ” thành một “bá quyền ích kỷ”, lợi dụng vị trí trung tâm của mình để duy trì sự giàu sang và quyền lực, đã bị suy giảm bởi những chi phí cho bá quyền.

Vào cuối những năm 60, Mỹ đối mặt với cuộc chiến chống đói nghèo trong nước và chiến tranh với cộng sản (ở Việt Nam), gánh nặng của việc làm bá quyền Bretton Woods khiến Mỹ phải thắt chặt tài chính.²⁴ Cuối cùng lãnh đạo Mỹ buộc phải lựa chọn giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm quốc tế, đây là một căng thẳng cơ bản trong kinh tế chính trị quốc tế. Quyết định chiến lược đã được đưa ra vào năm 1971, khi Tổng thống Richard Nixon chính thức hủy bỏ sự liên kết giữa đô-la và vàng. Thế giới dần dần rời bỏ hệ thống tỷ giá hối đoái cố định. Trước khi cú sốc dầu lửa xảy ra năm 1973-1974, hệ thống tỷ giá hối đoái linh hoạt đã được thiết lập.

Những bài học từ Bretton Woods

Những bài học từ hệ thống Bretton Woods là gì? Đây là một câu hỏi gây nhiều tranh cãi trong kinh tế chính trị quốc tế. Đối với những người theo chủ nghĩa tự do của Adam Smith, lịch sử Bretton Woods minh họa cho sự thiếu hiệu quả trong nỗ lực ấn định một tỷ giá hối đoái thông qua hoạt động của các nhà nước chứ không phải tác nhân thị trường. Theo những người theo chủ nghĩa tự do, hệ thống dựa

²³ Quỹ tiền tệ quốc tế IMF thiếu những nguồn lực để cho phép nó trở thành “người cho vay” đa phương được gắn với kiến trúc Bretton Woods.

²⁴ Xem David P. Calleo: “The Imperious Economy” (Cambridge MA: Harvard University Press 1982 và “Beyond American Hegemony” (New York: Basic Book 1987).

trên nhà nước đã sụp đổ ngay từ khi bắt đầu, vì không chính phủ nào có thể biết nhiều như thị trường.

Những người khác coi Bretton Woods là một ví dụ cho thấy một bá quyền nhân từ đóng vai trò quan trọng như thế nào trong kinh tế chính trị quốc tế. Theo họ, thế giới đã thịnh vượng khi Mỹ hoàn thành vai trò bá quyền tiền tệ của mình một cách có hiệu quả. Sau khi hệ thống Bretton Woods sụp đổ, tăng trưởng của thế giới thấp và không đồng đều hơn nhiều. Những nhà kinh tế học theo quan điểm này cho rằng cần phải có một thỏa thuận Bretton Woods mới và tái thiết cơ cấu bá quyền để quản lý hệ thống tiền tệ quốc tế. Một bài học khác được rút ra từ Bretton Woods đó là những cám dỗ của việc làm bá quyền. Thực tiễn cho thấy, tất cả những quốc gia bá quyền đều mở rộng quá mức và khai thác vị trí của mình vì lợi ích quốc gia hoặc duy trì sự giàu sang và quyền lực.

Cũng có người cho rằng kết quả của Bretton Woods là ví dụ của một hành động ích kỷ theo chủ nghĩa dân tộc của Mỹ hoặc thậm chí là sự bóc lột dã man của chủ nghĩa tư bản. Họ cho rằng Mỹ là người được hưởng lợi cơ bản từ Bretton Woods, được lợi về mặt kinh tế trong khi những nước khác chịu thiệt. Đối với họ Bretton Woods là một ví dụ của việc lạm dụng quyền lực trong kinh tế chính trị quốc tế.

Barry Eichengreen cho rằng mấu chốt của Bretton Woods là khả năng ban đầu của nó để tách chính sách tiền tệ quốc tế khỏi chính sách kinh tế nội địa.²⁵ Bộ phận chủ chốt của Bretton Woods là hệ thống kiểm soát vốn – kìm hãm sự chuyển dịch quốc tế của các quỹ đầu tư. Keynes gọi những dòng tài chính ngắn hạn này là “tiền nóng” vì chúng có thể được chuyển đi chuyển lại giữa các quốc gia một cách bất thường và không có quy luật giống như trò chơi “củ khoai tây nóng” của trẻ con. Kiểm soát dòng vốn này sẽ cho các quốc gia khả năng điều chỉnh lãi suất và điều kiện kinh tế phù hợp với nhu cầu của những tác nhân chính trị nội địa mà không cần dùng những dòng tiền nóng lớn có thể làm suy yếu những thỏa thuận kinh tế quốc tế. Sự tách biệt giữa chính sách nội địa và kinh tế quốc tế là cốt lõi của cái được gọi trong chương 3 là *sự thỏa hiệp theo tư tưởng Keynes* giữa những nhu cầu trong nước và trách nhiệm quốc tế.

Trong quá trình phân tích này, sự sụp đổ của Bretton Woods xuất hiện khi vốn quốc tế tìm ra đường vòng để tránh sự kiểm soát của các quốc gia được thiết lập trong hệ thống Bretton Woods (sự toàn cầu hóa tài chính được đề cập đến trong chương 8). Khi tiền nóng trở nên hoàn toàn tự do lưu thông trên thị trường

²⁵ Barry Eichengreen: “Globalizing Capital: A History of the International Monetary System. Princeton NJ 1996

quốc tế, những quyết định chính trị của các quốc gia sẽ có những hậu quả quốc tế. Trên thực tế, Mỹ và các quốc gia khác đã buộc phải chọn điều gì quan trọng hơn: lợi ích của cử tri trong nước và doanh nghiệp hay lợi ích của hệ thống Bretton Woods. Không quá ngạc nhiên khi họ đều đặt lợi ích quốc gia lên trên trách nhiệm quốc tế, và ví dụ như giảm lãi suất để tạo thêm công ăn việc làm dù điều đó gây ra sự bất ổn tiền tệ quốc tế. Trong bối cảnh ngày càng nhiều quốc gia chọn phương án có thể thông cảm được như vậy, hệ thống Bretton Woods đã sụp đổ.

Tỷ giá hối đoái thả nổi và bộ ba không hoàn hảo (unholy trinity)

Tỷ giá hối đoái linh hoạt hoặc thả nổi được ấn định bởi tác nhân thị trường, với sự can thiệp trực tiếp tối thiểu của nhà nước. Ngoại tệ mạnh của hệ thống hối đoái chuyển từ tỷ giá cố định sang linh hoạt từ đầu những năm 70, là thời điểm có những thay đổi cơ cấu lớn diễn ra trên thế giới. Trong hệ thống tỷ giá hối đoái linh hoạt, tỷ giá hối đoái của một quốc gia phụ thuộc và giá trị mong đợi của tấm vé "hối đoái" (đối với hàng hóa, dịch vụ và đầu tư) so với vé của những quốc gia khác. Tỷ giá hối đoái biến đổi hàng ngày tùy thuộc vào thay đổi điều kiện chính trị, kinh tế. Đồng đô-la được gán như thả nổi từ năm 1973.

Tỷ giá hối đoái linh hoạt có mục đích giải tỏa căng thẳng giữa nhu cầu nội địa và trách nhiệm quốc tế thông qua việc để thị trường định đoạt hệ thống quốc tế còn các quốc gia chỉ lo cho những ưu tiên chính trị và kinh tế nội địa của mình. Tỷ giá hối đoái linh hoạt còn nhằm thay thế những hành động thiếu suy nghĩ hoặc không đáng tin cậy của quốc gia bá quyền bằng những hành động nhịp nhàng, lô-gíc, hiệu quả của thị trường. Tuy nhiên trong thực tế không phải như vậy. Đơn giản là không thể tách rời thị trường khỏi nhà nước, vì thế những hoạt động của nhà nước vẫn ảnh hưởng đến giá trị của tấm vé hối đoái. Trong thực tế đã không đạt được sự ổn định, sự linh hoạt cần thiết hoặc uy tín của chính phủ giống như những gì các nhà thiết kế của hệ thống hối đoái linh hoạt đã tiên đoán.

Một trong nguyên nhân thất bại của tỷ giá hối đoái thả nổi đó là thị trường hối đoái là một công cụ có quá nhiều chức năng. Nó không thể thực hiện tất cả những chức năng đó cùng một lúc. Tấm vé hối đoái đô-la có thể mua hàng hóa do Mỹ sản xuất, tài nguyên thiên nhiên, tài sản vật chất (như khách sạn, cao ốc), tài sản kinh doanh (như cổ phiếu), và nó cũng là tấm vé số đối với kẻ đầu cơ đặt cược đồng tiền lên hay xuống trên thị trường quốc tế. Như vậy có thể là quá nhiều để yêu cầu tỷ giá hối đoái xác định một "giá đúng" cho đô-la để cân bằng tất cả những thị trường trên. Gần như chắc chắn sẽ có sự mất cân bằng xảy ra.

Ví dụ, vào giữa những năm 1980, đồng đô-la Mỹ được nhiều người tìm kiếm trên thị trường tiền tệ như một tấm vé để mua đầu tư của Mỹ như trái phiếu chính phủ và cổ phiếu doanh nghiệp. Tỷ giá hối đoái đồng đô la thể hiện nhu cầu này. Trong một thời gian ngắn, tỷ giá đồng đô-la tăng lên mức 250¥. Điểm cân bằng hối đoái cho đầu tư đã làm thương mại quốc tế mất cân bằng, một khó khăn mà cho đến nay Mỹ vẫn chưa hoàn toàn khắc phục được. Giá đồng đô-la cao khiến cho hàng hóa và dịch vụ Mỹ ở nước ngoài có chi phí cao còn hàng hóa nước ngoài lại rẻ một cách nhân tạo đối với người tiêu dùng Mỹ. Nhập khẩu tăng còn xuất khẩu bắt đầu giảm. Cán cân thương mại của Mỹ bị mất cân đối.

Vào những năm 90, tỷ giá hối đoái đô-la/yên gặp phải nhiều sức ép khác nhau. Những khó khăn tài chính của Nhật Bản đầu những năm 1990 đã khiến cho các công ty Nhật rút các khoản đầu tư của mình về nước để ổn định nền kinh tế nội địa. Việc những nhà đầu tư Nhật đổi tiền đô-la sang yên khiến cho đồng đô-la mất giá và đồng yên lên giá. Vào năm 1995, đồng đô-la rớt xuống còn 80¥. Điều này làm cho hàng hóa Mỹ không còn đắt tại Nhật Bản nữa còn hàng hóa Nhật lại có giá cao ở nước ngoài. Xuất khẩu của Nhật Bản giảm, làm các khó khăn của nền kinh tế trong nước trở nên càng trầm trọng hơn. Đến năm 1998, tỷ giá hối đoái lại quay trở lại mức 140¥. Các chuyên gia dự đoán trong thời gian ngắn hạn đồng yên có thể rơi xuống mức 200¥/1 đô-la hoặc tăng lên mức 75¥ trong thời gian dài hạn.

Ví dụ này cho ta thấy rõ cho dù trong lý thuyết có những ưu điểm đến đâu thì trên thực tế tỷ giá hối đoái thả nổi linh hoạt quá trên nhiều phương diện nên trở nên mất ổn định. Trường hợp đô-la dao động từ mức quá cao 250¥ xuống mức quá thấp 80¥ cho là một ví dụ cực đoan nhưng có giá trị vì quan hệ Mỹ - Nhật là rất quan trọng trong nền kinh tế chính trị quốc tế hiện nay. Những quyết định chính trị và kinh tế ngắn hạn được đưa ra trên cơ sở sự dao động của hối đoái sẽ không có lợi cho các quốc gia và thị trường trong thời gian dài hạn. Nói một cách khác, nếu như các quốc gia chỉ tính đến những lợi ích chính trị và kinh tế của riêng mình, sẽ không có ai quan tâm đến hệ thống quốc tế và biến nó thành "phi hệ thống".

Giai đoạn của tỷ giá hối đoái thả nổi được thống trị bởi một vấn đề mà Benjamin J.Cohen gọi là "bộ ba không hoàn hảo".²⁶ Ý tưởng của "bộ ba không hoàn hảo" này là các thành viên của hệ thống tiền tệ quốc tế mong muốn 3 điều như sau:

- khả năng phản ứng trước những lực lượng chính trị trong nước (đôi khi được gọi là sự độc lập trong chính sách tiền tệ)

²⁶ Xem Benjamin J.Cohen, "The Geography of Money". Ithaca NY: Cornell University Press 1998.

- khả năng di chuyển linh hoạt của vốn quốc tế (cần thiết đối với một nền tài chính quốc tế hiệu quả)
- tỷ giá hối đoái ổn định (cần thiết cho thương mại và đầu tư quốc tế hoạt động nhịp nhàng)

Vấn đề là ba mục tiêu trên không đồng nhất với nhau. Bạn không thể có cả ba nhưng nếu bạn từ bỏ một, hai mục tiêu còn lại có khả năng đạt được.²⁷

Ví dụ trong hệ thống Bretton Woods, sự kiểm soát vốn đã loại bỏ tính lưu động của đồng vốn quốc tế. Điều này cho phép các quốc gia, ít nhất là ở một khoảng thời gian nhất định, thích ứng với những tác nhân chính trị nội địa mà không gây ra sự mất ổn định về tỷ giá hối đoái. Tiền nóng có thể ra vào một nước tùy thuộc vào chính sách nội địa nhưng không thể gây phiền toái cho sự ổn định của tỷ giá hối đoái quốc tế.

Tuy nhiên, trong giai đoạn tỷ giá hối đoái thả nổi, việc kiểm soát đồng vốn đã không thể thực hiện được. Có quá nhiều cách sử dụng công nghệ và sự khéo léo để chuyển tiền từ nước này sang nước khác. Điều đó có nghĩa là các quốc gia phải lựa chọn²⁸ giữa tỷ giá hối đoái ổn định và khả năng xác lập chương trình nghị sự của nền kinh tế nội địa. Mỹ và Nhật đã ưu tiên lựa chọn tính tự chủ trong chính sách kinh tế quốc gia so với sự ổn định của tỷ giá hối đoái. Có thể đây là một giải pháp có lý đối với các quốc gia này vì cả hai đều là những nền kinh tế tương đối "đóng", và họ lệ thuộc ít hơn vào thương mại và tài chính quốc tế so với các nước khác để có được việc làm, thu nhập và tăng trưởng.²⁹

Ngược lại, các nước như Ác-hen-ti-na và Hồng Công, phụ thuộc nhiều hơn vào nền kinh tế quốc tế đã lựa chọn tỷ giá ổn định và hy sinh tính tự chủ của chính sách kinh tế quốc gia. Cả 2 nước đều gắn đồng nội tệ của mình vào đô-la. Điều này khiến cho tỷ giá hối đoái của họ ổn định hơn nhưng hạn chế khả năng thích ứng với những khó khăn kinh tế và chính trị trong nước.

Tuy nhiên điều mà tưởng như không thể đó là khoảng trống ở giữa: tỷ giá hối đoái được quản lý cho ta có được khả năng thích ứng với tác nhân chính trị trong nước đồng thời không quá từ bỏ sự ổn định của tỷ giá hối đoái. Chìa khóa

²⁷ Không thể cùng lúc có ba thứ. Ví dụ chúng ta thích thức ăn tốt, nhanh và rẻ. Những chúng ta chỉ có thể được đáp ứng hai trong ba thứ đó cùng lúc.

²⁸ David Balaam nhận xét rằng đôi khi những sự lựa chọn chỉ mang tính chất lý thuyết. Trên thực tế, đôi khi các quốc gia không có sự lựa chọn bởi vì quyền lực quan hệ hay quyền lực cấu trúc trái ngược nhau.

²⁹ Người ta thường ngạc nhiên khi phát hiện nhập khẩu và xuất khẩu của Nhật Bản ở mức độ nhỏ là có liên quan tới nền kinh tế nội địa của Nhật.

cho tỷ giá hối đoái được quản lý là sự phối hợp chính sách. Các quốc gia, thông qua ngân hàng trung ương của mình, phải nhất trí hợp tác với nhau để tránh đưa ra những quyết định trong nước có thể gây mất ổn định quốc tế. Ý tưởng là nếu như hai nền kinh tế quốc gia đều đi cùng một hướng với cùng một tốc độ, tỷ giá hối đoái giữa hai nước cần phải được duy trì ở một mức ổn định vì giá trị của tấm vé hối đoái của một nước không thay đổi nhiều so với nước còn lại. Hệ thống này sẽ hoạt động nếu như hai quốc gia cũng duy trì hướng đi của mình và tránh được những cám dỗ để tăng, giảm hoặc thay đổi hướng đi, kể cả trong trường hợp những lợi ích quốc gia đòi hỏi sự thay đổi tốc độ hoặc hướng đi.

Nói một cách khác, vấn đề thực tiễn của tỷ giá hối đoái được quản lý là sự phối hợp chính sách yêu cầu các quốc gia phải hy sinh những gì được coi là lợi ích quốc gia để duy trì cơ cấu tài chính quốc tế ổn định. Sự căng thẳng kinh điển giữa cá nhân (1 quốc gia) và nhóm (nhiều quốc gia) xuất hiện. Lợi ích cá nhân và lợi ích quốc gia là những tác nhân mạnh, vì thế khó đảm bảo được sự phối hợp chính sách trong thời gian dài.

Các quốc gia trong nỗ lực giành lại sự tự chủ về chính trị và can thiệp để duy trì tính ổn định của tỷ giá hối đoái thường gặp khó khăn về mặt uy tín. Họ dễ bị rơi vào tình trạng phải chọn giữa những nhu cầu trong nước và trách nhiệm quốc tế. Trong trường hợp này họ có thể thề thốt trên mặt báo *Wall Street Journals* là họ sẽ làm hết sức để giữ tỷ giá hối đoái ổn định nhưng những nhà đầu cơ sẽ không do dự tấn công đầu cơ để tạo nên khủng hoảng tiền tệ. Điều này đã xảy ra với Vương quốc Anh năm 1993-1994, với In-đô-nê-xia năm 1997-1998 và hàng loạt các nước khác. Có vẻ như sự thỏa hiệp theo tư tưởng Keynes không còn khả thi. Chúng ta đã bước sang kỷ nguyên cực đoan.³⁰

Kỷ nguyên cực đoan

Nếu như phân tích này là chính xác, các quốc gia sẽ phải đối phó với bộ ba không hoàn hảo một cách tốt nhất họ có thể. Coi như sự lưu thông vốn quốc tế (và đầu cơ tiền tệ kèm theo) là không thể kiểm soát, quốc gia sẽ phải lựa chọn giữa sự tự chủ trong nước và tỷ giá hối đoái ổn định. Đây cũng là sự lựa chọn không dễ dàng giữa chính trị và kinh tế, giữa nhà nước và thị trường. Sự lựa chọn này nằm ở tâm điểm của một thể tiến thoái lưỡng nan điển hình của nền kinh tế chính trị quốc tế.

³⁰ Đây là đầu đề của cuốn sách gần đây của Eric Hobssbawm, người đã sử dụng tập hợp từ thích hợp này trong các tình huống khác nhau.

Kỷ nguyên cực đoan mang lại một trong những thử nghiệm lớn nhất của nền kinh tế chính trị quốc tế tại Liên minh Châu Âu, đó là đồng euro. Một vài quốc gia EU đã đạt một bước quan trọng tiến tới tỷ giá hối đoái ổn định: Họ đã chuyển đồng nội tệ của mình sang dùng đồng tiền Châu Âu euro. Đây là một bước quan trọng để ổn định tỷ giá hối đoái (và hy sinh tính tự chủ quốc gia) nội khối Châu Âu. Tuy nhiên vẫn chưa rõ ràng sự lựa chọn này có hiệu quả hay không. Đồng tiền chung tất nhiên sẽ làm ổn định tỷ giá hối đoái nội khối Châu Âu nhưng đồng euro sẽ ổn định như thế nào trong tỷ giá đối với đồng đô-la và đồng yên? Cho đến khi tất cả quốc gia phải có cùng một lựa chọn, bộ ba không hoàn hảo vẫn sẽ gây khó khăn kinh tế và chính trị.

Chương này không kết thúc với một đoạn kết suôn sẻ. Cơ cấu tài chính có vai trò quan trọng trong nền kinh tế chính trị quốc tế nhưng chúng ta đã thấy ở đây có rất nhiều những vấn đề và khó khăn chưa được giải quyết. Thế giới chắc chắn cần một hệ thống hối đoái ổn định và có thể thích nghi một cách hiệu quả với những biến đổi cơ cấu. Lịch sử hậu chiến cho ta biết rõ hệ thống này được cấu tạo và vận hành như thế nào. Một điều quan trọng mà chúng ta thấy là các vấn đề trong cơ cấu tài chính có thể gây ra và làm trầm trọng thêm các vấn đề khác trong nền kinh tế chính trị quốc tế.

Hệ thống tiền tệ quốc tế tương tác với những cơ chế khác của nền kinh tế chính trị quốc tế. Sự mất ổn định gần đây của phương diện này trong nền kinh tế chính trị quốc tế đã gây ra những căng thẳng về chính trị và kinh tế, những căng thẳng về thương mại, an ninh và công nghệ, đó là những nhân tố cùng với cơ cấu tài chính gắn kết các quốc gia và người dân trên thế giới.

Những vấn đề của trật tự tiền tệ thế giới vẫn còn tồn tại. Chúng ta không thể coi tính ổn định và khả năng thích nghi của cơ cấu tài chính là đã được đảm bảo, nhất là chúng ta còn phải đối mặt với nhiều thử thách mới trong tương lai. Dưới khía cạnh này, có thể nói đang có một sự ổn định lớn trong hệ thống tiền tệ quốc tế. Chúng ta hãy nhớ lại lời bình luận của Walter Bagehot về cơ cấu tài chính thời bấy giờ:

Tất nhiên tôi không phải là kẻ gieo hoang mang. Tôi tin tưởng vào hệ thống của chúng ta, mặc dù nó kỳ quặc và lạ thường nhưng có thể hoạt động một cách an toàn. Nhưng nếu chúng ta muốn nó hoạt động, chúng ta phải nghiên cứu nó. Chúng ta không được phép nghĩ chúng ta có một nhiệm vụ đơn giản khi đó là một nhiệm vụ khó khăn, hoặc nghĩ chúng ta đang sống trong một trạng thái tự nhiên trong khi thật sự chúng ta đang sống trong một trạng thái

nhân tạo. Đồng tiền không thể tự quản lý được và phố Lombard phải quản lý một khối lượng tiền lớn.³¹

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com

³¹ Bagehot. Lombard Street. Tr.10.